TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Hồng Kim T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp X, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Trung T1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị T có đơn xin vắng mặt; anh T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị với anh T1 chung sống vợ chồng năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/11/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, có được hai người con chung. Nhưng

thời gian gần đây anh T1 lại ăn chơi, sống không chung thủy, không lo gia đình, chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T1 vẫn không nghe, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không phù hợp, hạnh phúc gia đình không còn, không thể tiếp tục chung sống. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Phạm Tường V, sinh ngày 20/9/2003 và Phạm Tường V1, sinh ngày 01/7/2007, hiện do chị nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu V1, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu V1. Riêng cháu V đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin vắng mặt. Anh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh T1 theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 chung sống vợ chồng năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/11/2002, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh T1 là hợp pháp. Chị T xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như trên, làm cho cuộc sống không phù hợp, hạnh phúc gia đình không còn, không thể tiếp tục chung sống, nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh T1. Nhưng anh T1 cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị T, nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh T1 có hai người con chung tên Phạm Tường V, sinh ngày 20/9/2003 và Phạm Tường V1, sinh ngày 01/7/2007.

Xét yêu cầu nuôi cháu V1 của chị T thấy rằng: Cháu V1 hiện do chị T nuôi dưỡng đã ổn định. Mặt khác, cháu V1 có nguyện vọng sống với chị T khi cha mẹ ly hôn. Hơn nữa, anh T1 cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi dưỡng cháu V1 của chị T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu V1, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu V1 cho chị T nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Riêng cháu V đã thành niên, chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Xét, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu V1, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung và nợ chung, anh T1 không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đỗ Thị Hồng Kim T ly hôn với anh Phạm Trung T1.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Tường V1, sinh ngày 01/7/2007 cho chị Đỗ Thị Hồng Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phạm Trung T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Đỗ Thị Hồng Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số

0002589 ngày 19/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

4. Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức